

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HÌNH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HS-ST
Ngày: 10-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Lưu Chúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Xuân Lai;

- Ông Ksor Y Thư.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Kim Vinh – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

01. Nay Y N (Ma Trui); sinh ngày 03 tháng 4 năm 1962 tại: Phú Yên; Nơi cư trú: **Buôn Z, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên;** Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ê Đê; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 01/12; Con ông: **A Lê Y P** và bà **Nay H N1;** Vợ: Ksor **Hồ N2,** sinh năm 1964; Con: Có 05 con, lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh 2003; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

02. Ksor Y T; sinh ngày 05 tháng 6 năm 1985 tại: Phú Yên; Nơi cư trú: **Buôn Z, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên;** Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ê Đê; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nay **Y N,** sinh năm 1962 và bà **Ksor Hồ N3,** sinh năm 1964; Vợ, con: Không có; Tiền án, tiền sự: Không.

*** Nguyên đơn dân sự:** UBND xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên. Do bà **Nguyễn Thị Minh S** – Chức vụ Chủ tịch đại diện theo pháp luật; do ông **Bùi Văn D** - Chức vụ: Phó Chủ tịch đại diện theo văn bản ủy quyền số 01/GUQ ngày 07 tháng 3 năm 2023 của bà **Nguyễn Thị Minh S.** Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**

1. Bà **Lê Thị D1**, sinh năm 1961. Địa chỉ: **Buôn Z, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên**. Vắng mặt.
2. Ông **Giàn Viết T1**, sinh năm 1981. Địa chỉ: **Thôn C, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên**. Có mặt.
3. Anh **KSor D2**, sinh năm 1996. Địa chỉ: **Buôn Z, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên**. Vắng mặt.
4. Ông **Nguyễn Văn P1**, sinh năm 1976. Địa chỉ: **Thôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên**. Vắng mặt.
5. Bà **Nay H M**, sinh năm 1977. Địa chỉ: **Buôn Z, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên**. Có mặt.
6. Bà **KSor H Đ**, sinh năm 1979. Địa chỉ: **Buôn Z, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên**. Có mặt.
7. Anh **R'Com Rai**, sinh năm 1983. Địa chỉ: **Buôn Z, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên**. Vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Ông **K Pả Y P2**, sinh năm 1977. Địa chỉ: **Buôn Z, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên**. Có mặt.
2. Ông **Lê Mô Y T2**, sinh năm 1972. Địa chỉ: **Buôn Z, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên**. Có mặt.
3. Bà **La O T3**, sinh năm 1968. Địa chỉ: **Buôn Z, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên**. (đã chết).
4. Bà **Ksor H N4**, sinh năm 1964. Địa chỉ: **Buôn Z, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên**. Vắng mặt.
5. Anh **Ksor Y L**, sinh năm 2000. Địa chỉ: **Buôn Z, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên**. Vắng mặt.
6. Anh **Hving Y N5**, sinh năm 1982. Địa chỉ: **Buôn Z, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2006, bà **Lê Thị D1** tự ý vào khu vực rừng tự nhiên thuộc khoảnh 01, **tiểu khu B thuộc xã E, huyện S** lấn chiếm và chặt phá rừng trái phép với diện tích khoảng 5.000m² để sản xuất nông nghiệp. Đến năm 2017, bà **D1** viết giấy tay chuyển nhượng lại cho **Ksor Y T4** với diện tích khoảng 35.000m² đất rừng tự nhiên và 5.000 m² đất đang sản xuất với giá 65.000.000 đồng. Sau đó, Nay **YN** này sinh ý định chặt phá rừng để lấy đất sản xuất, khoảng tháng 11/2021, **YN** tự ý mang theo rựa đến khu vực rừng nêu trên dùng rựa phát dọn dây leo, cây bụi

nhỏ được khoảng 02 ngày, rồi **Y N** nói lại và thống nhất với **Y T4** (là con ruột **Y N**) sẽ dùng cưa máy, rìu để cắt, chặt hạ những cây lớn, **Y T4** nhất trí, **Y N** thuê bà Ksor H Đôi và Nay H **M** dùng rựa phát dọn dây leo, cây bụi nhỏ để làm sạch đất khoảng 02 ngày thì nghỉ, **Y N** thuê ông **Ksor D3** dùng cưa máy cắt hạ những cây lớn khoảng 1/2 ngày thì nghỉ, **Y N** thuê lại cưa máy của anh **D3** và cùng **Y T4** dùng rìu tiếp tục cắt, chặt phá cây rừng tự nhiên với diện tích 16.800m² và chờ cây khô sẽ đốt dọn. Ngày 28/01/2022, **UBND xã E** kiểm tra phát hiện lập biên bản vi phạm và chuyển cơ quan chức năng giải quyết. Quá trình điều tra còn xác định toàn bộ diện tích (183,199 m³) rừng tự nhiên tại khu vực nêu trên, trước đó các cơ quan có thẩm quyền **huyện S** đã giao cho hộ ông **Giản Viết T1** ở **thôn C, xã E, huyện S** để khoanh nuôi bảo vệ không đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Kết luận giám định tư pháp số 190/KLGĐ-CCKL ngày 03/3/2022 của **Chi cục kiểm lâm tỉnh P** kết luận: Vị trí có cây rừng tự nhiên bị phá có diện tích 16.800 m² tại khoảnh 1, **tiểu khu B xã E, huyện S**, thuộc hiện trạng rừng tự nhiên nghèo kiệt; chức năng rừng sản xuất; có nguồn gốc hình thành từ rừng tự nhiên; trữ lượng 44,251 m³; lâm sản thiệt hại: 30,072 m³.

Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐ CSĐT ngày 24/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên **huyện S** kết luận: Lâm sản thiệt hại với khối lượng 30,072 m³ trên diện tích 16.800m², rừng tự nhiên là rừng sản xuất (rừng nghèo kiệt) giá trị: 33.167.973 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐ CSĐT ngày 09/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên **huyện S** kết luận: Giá trị thiệt hại, giá trị bồi thường đối với rừng tự nhiên là rừng sản xuất (rừng nghèo kiệt) với diện tích 16.800m² giá trị: 31.497.040 đồng.

Quá trình điều tra, các bị can Nay **Y N** và Ksor **Y T4** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị can **Y N** có cha ruột và bị can **Y T4** có ông nội là liệt sỹ.

Vật chứng vụ án: Đang tạm giữ 01 cái rìu dài 88cm; 01 con rựa dài 40 cm; 01 con rựa dài 60 cm và 01 con rựa dài 62,5 cm.

Cáo trạng số 02/CT-VKS-HS ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh truy tố các bị cáo Nay **Y N**, Ksor **Y T4** về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo trình bày:

- Bị cáo **Y N** biết rõ hành vi phá rừng tự nhiên nhưng vì mở rộng đất canh tác nên có hành vi phá rừng làm nương rẫy.
- Bị cáo **Y T4** thừa nhận tham gia chặt phá rừng, biết rõ cây rừng nhưng vẫn tham gia chặt phá với mục đích mở rộng đất sản xuất cùng **Y N**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Bà **Lê Thị D1** trình bày: Thừa nhận có bán đất cho **Y T4**, nguồn gốc đất

khai hoang không có giấy tờ gì bao gồm cả phần đất rừng bị phá.

2. Ông **Giản Viết T1** trình bày: Ông là người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa làm gì, không khai hoang gì ở đó cả, ông chỉ đứng tên hộ cho ông **Nguyễn Hoàng V.**

3. Anh **KSor D2** trình bày: Khoảng cuối năm 2021, được **Y N** thuê cắt cây 01 ngày, sau đó **Y N** mượn máy cưa mấy ngày, khi máy cưa hỏng mang sửa tại tiệm anh **P1** thì bỏ luôn không lấy.

4. Ông **Nguyễn Văn P1** trình bày: Anh là người sửa chữa máy cưa không nhớ hết **KSor D3** có sửa máy cưa tại nhà tiệm anh hay không.

5. Bà **Nay H M** trình bày: Được Ma Trui thuê làm công 02 ngày chặt cây rừng với diện tích khoảng 02 sào với số tiền 400.000 đồng.

6. Bà **KSor H (M)** trình bày: Có đi làm cho **Y N** 02 ngày chặt phá những cây nhỏ, dây bụi với diện tích tầm 02 sào.

7. Anh R'Com Rai trình bày: Thấy **Y N** chặt phá cây rừng nên có xin ý Nhắc một số cây đã chặt hạ làm gỗ, có lấy khoảng 20 cây gỗ tròn đường kính 10cm để làm nhà mả.

*** Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:**

- Tuyên bố các bị cáo Nay **Y N** và Ksor Y Trui phạm tội “Hủy hoại rừng”.
+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s, x khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nay Y Nhắc từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

-+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **K** Y Trui từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho **UBND xã E** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS;

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 cái rìu dài 88 cm, 01 con rựa dài 40cm, 01 con rựa dài 60cm và 01 con rựa dài 62,5cm.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Đề nghị HĐXX buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 31.497.040 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước, phần của mỗi bị cáo là 15.748.520 đồng; được tính trừ số tiền 2.000.000 đồng các bị cáo đã nộp.

- **Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát

viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, tuân thủ đầy đủ theo quy định của thủ tục tố tụng về thu thập tài liệu, chứng cứ của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, của người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Năm 2017, Y N mua của bà Lê Thị D1 diện tích đất không có giấy tờ, khoảng 35.000m² với giá 65.000.000 đồng địa chỉ: Buôn Z, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên. Tháng 11/2021, Y N tự ý mang theo rựa đến khu vực rừng nêu trên dùng rựa phát dọn dây leo, cây bụi nhỏ được khoảng 02 ngày, rồi Y N nói lại và thống nhất với Y T4 sẽ dùng cưa máy, rìu cắt, chặt hạ những cây lớn, Y T4 nhất trí, Y N thuê bà K Sor H Đôi và Nay H M dùng rựa phát dọn dây leo, cây bụi nhỏ để làm sạch đất khoảng 02 ngày thì nghỉ, Y N thuê ông Ksor D3 dùng cưa máy cắt hạ những cây lớn khoảng 1/2 ngày thì nghỉ, Y N thuê lại cưa máy của anh D3 và cùng Y T4 dùng rìu tiếp tục cắt, chặt phá cây rừng tự nhiên với diện tích 16.800m² và chờ cây khô sẽ đốt dọn. Ngày 28/01/2022, UBND xã E kiểm tra phát hiện lập biên bản vi phạm và chuyển cơ quan chức năng xử lý.

[2.2] Các bị cáo có hành vi chặt phá và thuê người khác chặt phát rừng với diện tích 16.800m², thuộc khoảnh 1, tiểu khu B, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên; Đất này do UBND xã E quản lý. Căn cứ, Kết quả giám định tư pháp số 190/KLGD-CCKL ngày 03/03/2022 của Chi cục kiểm lâm tỉnh P xác định diện tích 16.800m² nêu trên là rừng tự nhiên nghèo kiệt có chức năng rừng sản xuất, có nguồn gốc hình thành từ rừng tự nhiên; trữ lượng 44,251m³; lâm sản thiệt hại 30,072m². Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân

dân **huyện S** truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Đây là vụ án có vai trò đồng phạm giản đơn, Bị cáo **Y N** là người bỏ tiền mua đất rừng từ bà **D1** với mục đích phá rừng làm nương rẫy, là người chủ mưu phá rừng, thuê người phá rừng, có vai trò tích cực trong vụ án nên cần xử lý nghiêm khắc hơn bị cáo **Y T4**.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Không.

Tình tiết giảm nhẹ:

- Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải bồi thường thiệt hại số tiền 2.000.000 đồng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự;

- Bị cáo **Y N** là con của liệt sĩ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo **Y T4** là cháu nội của liệt sĩ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt: Các bị cáo phạm tội nghiêm trọng với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái nên cần xử lý nghiêm tương xứng với mức độ hành vi phạm tội. Tuy nhiên, xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, là người đồng bào dân tộc thiểu số, hai bị cáo là cha con ruột, bị cáo **Y N** có cha là liệt sĩ, bị cáo **Y T4** có ông nội là liệt sĩ nên cần thiết phải áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự để xét xét các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Xét bị cáo **Y T4** là đồng phạm thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nguyên là Phó **thôn B** có tham gia đóng góp cho công tác chính quyền. Bị cáo có nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của Nhà nước.

Xét các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 31.497.040 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước, đã bồi thường 2.000.000 đồng, còn phải liên đới bồi thường 29.497.040 đồng, phần của mỗi bị cáo là 14.748.520 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy 01 cái rìu dài 88 cm, 01 con rựa dài 40cm, 01 con rựa dài 60cm và 01 con rựa dài 62,5cm (Vật chứng có đặc điểm như biên bản

giao nhận vật chứng ngày 05/01/2023 giữa Công an huyện S và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hinh).

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Buộc các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Nay Y N6, Ksor Y Trui phạm tội “Hủy hoại rừng”.
- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s, x khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nay Y Nhắc 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo K Y Trui 02 năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 04 năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Ksor Y T4 cho Ủy ban nhân dân xã Ea Ly, huyện S, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 và 68 Luật thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự:

- + Buộc các bị cáo tiếp tục liên đới bồi thường số tiền còn lại 29.497.040 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước; phần của mỗi bị cáo là 14.748.520 đồng.

- + Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng các bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000657 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hinh.

- **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 cái rìu dài 88 cm, 01 con rựa dài 40cm, 01 con rựa dài 60cm và 01 con rựa dài 62,5cm (Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/01/2023 giữa Công an huyện S và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hinh).

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

+ Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 737.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H.Sông Hinh (2);
- Công an H.Sông Hinh;
- Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Lưu Chúc